

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân và tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1B tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7) tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, Khu kinh tế Nhơn Hội (đợt 3)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện 04 Dự án tại Khu đô thị Becamex A thuộc phân khu 07, Khu kinh tế Nhơn Hội;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội tại Tờ trình số 104/TTr-HĐBT ngày 07/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân và tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1B tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7) tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, Khu kinh tế Nhơn Hội (đợt 3), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế là **2.067.949.303 đồng** (Hai tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm lẻ ba đồng), trong đó:

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và tài sản trên đất của 04 hộ dân và chi phí phục vụ công tác GPMB, chi phí dự phòng cưỡng chế là **178.005.583 đồng**, như sau:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ:	174.173.760 đồng.
+ Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	3.483.475 đồng.
+ Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế:	348.348 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

b) Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 01 tổ chức và chi phí phục vụ công tác GPMB, chi phí dự phòng cưỡng chế là **1.889.943.720 đồng**, như sau:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ:	1.849.260.000 đồng.
+ Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	36.985.200 đồng.
+ Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế:	3.698.520 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty cổ phần Becamex Bình Định.

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội; Chủ tịch UBND huyện Vân Canh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và hộ dân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỀ THỰC HIỆN
DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ HIỆP VINH 1B TẠI KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ BECAMEX A (PHÂN KHU 7)
TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Tổng số nhân khẩu/hộ	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi đo đạc năm 2017					Loại đất	Vị trí	Hạng/n hóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Tổng giá trị Bồi thường, hỗ trợ
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)				Bồi thường về đất	Hỗ trợ tự Chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường mồ mã	Bồi thường cây cối, hoa màu	
1	Nguyễn Mọi (chết), con Nguyễn Ngọc Quý ĐĐKK	Thôn Hiệp Vinh 1	1	87	13	131,7	19,1	112,6	LUK	1	6	668.500	2.005.500		85.950	2.759.950	
2	Cao Văn Tới	Thôn Hiệp Vinh 1	4	102	3	10.734,4	301,0	10.433,4	RSX	2	1	4.214.000	6.321.000		1.408.000	11.943.000	
3	Nguyễn Rê (chết), vợ Phạm Thị Bảy	Thôn Hiệp Vinh 1		143	13	2.014,0	742,1	1.271,9	RSX	2	1	20.920.900	47.178.600		2.613.150	70.712.650	
				137	13	693,6	300,9	392,7	LUK	1	6						
4	Nguyễn Chua, vợ Nguyễn Thị Thôn	Thôn Hiệp Vinh 2												88.758.160	0	88.758.160	
A-	Tổng giá trị BT, HT			4		13.573,7	1.363,1	12.210,6				25.803.400	55.505.100	0	88.758.160	4.107.100	174.173.760
B-	Chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)																3.483.475
C-	Chi phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: (B*10%)																348.348
D-	Tổng cộng (A+B+C)																178.005.583

Phụ lục số 02

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO 01 TỔ CHỨC BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ HIỆP VINH 1B TẠI KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ BECAMEX A (PHÂN KHU 7)
TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tổ chức	Địa chỉ	Số thửa	Tờ ĐD	Loại đất	Tổng DT thửa đất (m ²)	Tổng DT thu hồi (m ²)	Bồi thường đất (đồng)	Giá trị bồi BT, HT cây cối, hoa màu (đồng)		Tổng giá trị BT, HT (đồng)
									Bồi Thường	Hỗ trợ	
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	1134 Hùng Vương, TP Quy Nhơn	11	3	CLN	126.012,5	74.273,9	0	178.260.000	31.189.200	209.449.200
			23	3	CLN	162.752,0	3.935,7	0	9.444.000	1.654.800	11.098.800
			1	3	CLN	162.648,9	109.950,4	0	263.880.000	46.183.200	310.063.200
			5	3	CLN	187.587,9	28.992,5	0	69.588.000	0	69.588.000
			46	3	CLN	520.903,2	429.227,2	0	1.030.152.000	218.908.800	1.249.060.800
A	Tổng kinh phí BT,HT		5 thửa đất			1.159.904,5	646.379,7	0	1.551.324.000	297.936.000	1.849.260.000
B	Chi phí GPMB 2% = (A x 2%)										36.985.200
C	KP dự phòng cưỡng chế thu hồi đất = (B x 10%)										3.698.520
D	Tổng cộng = (A+B+C)										1.889.943.720

